

Name:

Grammar:

Class: S3...

Writing:

Ngày giao bài: Thứ....., ngày..../....

Mini Test:

Ngày nộp bài: Thứ....., ngày..../....



GLOBAL ENGLISH 3

Unit 8: Our amazing body – Grammar 2 & Writing

A. GRAMMAR

1. Prepositions of location (trạng từ chỉ nơi chốn): inside, outside, on

	inside	outside	on
Nghĩa	ở bên trong	ở bên ngoài	ở trên
Cấu trúc 1	inside / outside / on + danh từ		
Cấu trúc 2	to do something inside / outside		
Ví dụ	- I left my key inside the box. - Let's go inside .	- I park my car outside your house. - I want to play outside .	- Your hat is on the bookshelf.

2. Prepositions of time (trạng từ chỉ thời gian): Before & After

- Trạng từ chỉ thời gian “before” và “after” được dùng để diễn tả một sự việc xảy ra trước hoặc sau một thời điểm/sự việc nhất định.

	Đứng trước một câu đầy đủ	Đứng trước danh từ / động từ đuôi – ing.	Đứng trước đại từ (me, you, him, her, them, us, it)
Before (trước)	- I often go to bed before you come home.	- I brush my teeth before going to bed.	- I finish my work before you.
After (sau)	- He often has breakfast after I go to work.	- I will have lunch after the meeting.	- She comes home after me.

B. EXTRA VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	fall over (phr.v)	ngã	3	same (adj)	giống nhau
2	stop hurting (phr)	hết đau, hết bị thương			

* **Note:** adj = adjective: tính từ; phr = phrase: cụm từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

* Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi.

C. CLASSWORK - WRITING

1. What is the name of your school?

→

2. Which class are you in?

→

3. What is your favorite subject and who is your favorite teacher?

→

4. Who is your best friend in class?

→ _____.

5. What do you usually do during class?

→ _____.

6. What do you usually do during break time?

→ _____.

D1. HOMEWORK: WRITING

Write about your school

Suggested template:

My name is [name]. My school's name is [school's name]. I am in class [class's name]. My favorite subject is [subject], and my favorite teacher is [teacher's name]. My best friend in class is [name]. During class, I usually [activity]. During break time, I usually [activity].

Your writing:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

D2. HOMEWORK - GRAMMAR

I. Fill in each blank with the given word. (Điền vào từng chỗ trống với từ vựng cho sẵn)

inside	<i>before</i>	on	after	outside
--------	---------------	----	-------	---------

0. We always brush our teeth before going to bed.

1. There is a cat _____ the table.

2. It was raining, so we stayed _____ the house.

3. Let's meet _____ school at 3 p.m.

4. They had lunch _____ the meeting.

II. Match the column A with column B (Nối cột A với cột B)

Column A	Column B
0. You have to finish your dinner before you can go out.	A. The bowl is on the paper.
1. They slept before the rain started.	B. He fed his children before going to bed.
2. The children want to play outside.	C. The children don't like playing inside.
3. The paper is under the bowl.	D. The rain started after they slept.
4. He slept after feeding his children.	E. It is safe to be inside the car.
5. It is dangerous to be outside the car.	F. You can go out after finishing your dinner.

Your answer:

0. <u>E</u>	1. _____	2. _____	3. _____	4. _____	5. _____
-------------	----------	----------	----------	----------	----------

III. Reorder the words/phrases to form suitable sentences

(Sắp xếp lại các từ hoặc cụm từ để tạo câu phù hợp)

0. cold / inside / It's / the / very / house.

→ It's very cold inside the house.

1. The / kids / outside / the park. / are playing

→ _____.

2. is / There / book / on / a / the table.

→ _____.

3. We / the mall / will / to / after school. / go

→ _____.

4. before / wash / Please / your hands / eating dinner.

→ _____.

5. Let's / after / clean up / the party.

→ _____.